

BCĐ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG
TRÌNH MTQG HUYỆN YÊN THẾ
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Thế, ngày tháng 11 năm 2023

Số: /VPĐP

V/v đề nghị công khai xã đủ điều kiện
xét công nhận đạt chuẩn NTM năm 2023

Kính gửi: Văn phòng HĐND và UBND huyện.

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ kết quả thẩm tra việc thực hiện các tiêu chí NTM tại xã Tân Sỏi ngày 27/10/2023 của Đoàn thẩm tra của UBND huyện. Qua thẩm tra kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới tại xã, đến nay xã Tân Sỏi đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới. Đủ điều kiện đề nghị xét công nhận xã Tân Sỏi đạt chuẩn NTM năm 2023.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đề nghị Văn phòng HĐND và UBND công khai trên Cổng thông tin điện tử của huyện để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn góp ý vào kết quả thực hiện của xã Tân Sỏi./.

(Có biểu tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí NTM kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ VPĐP NTM huyện;
- Lưu: VPĐP.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**TRƯỞNG PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Nguyễn Văn Đông**

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Công văn số /VPĐP ngày /11/2023 của Văn phòng Điều phối NTM huyện Yên Thế)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện của xã		Kết quả thẩm tra của huyện
					KQ thực hiện	KQ thực hiện của xã	
1	Quy hoạch	1.1	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
2	Giao thông	2.1	Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	4,9km/4,9 km đạt 100%	Đạt	Đạt
		2.2	Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	15,0km/15,0 km đạt 100%	Đạt	
		2.3	Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥30% cứng hóa)	14,06km/16,17km đạt 87%	Đạt	
		2.4	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% ((≥30% ≥ cứng hóa)	2,156km/6,33km đạt 34%	Đạt	
3	Thủy lợi	3.1	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥80%	786,7ha/826,9ha đạt 95,13	Đạt	Đạt
		3.2	Đảm bảo chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	
4	Điện	4.1	Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

		4.2	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$	100	Đạt	
5	Trường học		Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.	$\geq 70\%$	3/3 trường đạt 100%	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1	Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Diện tích 500m ² , chỗ ngồi 200, Khu thể thao $\geq 2.000\text{m}^2$)	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2	Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.3	Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	08/08 thôn đạt 100%	Đạt	
7	Chợ		Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1	Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2	Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.3	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	08/08 thôn	Đạt	
		8.4	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1	Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Đạt	Đạt
		9.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 75\%$	1.265/1.332 hộ đạt 97,3%	Đạt	
10	Thu nhập		Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	Năm 2022: ≥ 39 triệu đồng	46,35 triệu	Đạt	Đạt
11	Hộ nghèo		Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	$\leq 13\%$	5,54%	Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	1.945/2.697 người đạt 72,12%	Đạt	Đạt

		12.2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$	712/2.697 người đạt 26,4%	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất	13.1	Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2	Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.3	Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.4	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.5	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục THCS; xóa mù chữ				Đạt
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	
			Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 98\%$	100%	Đạt	
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	
			Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	Đạt	Đạt	Đạt	
14.2	Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$	60/65HS đạt 92,30%	Đạt			
15	Y tế	15.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	4.718/4.751 người đạt 99,30%	Đạt	Đạt
		15.2	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	

		15.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$	18,97%	Đạt	
		15.4	Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	2.651/4.751 người đạt 55,79%	Đạt	
16	Văn hóa		Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 70\%$	07/08 thôn đạt 87,5%	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn	$\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước TT)	1.245 hộ/ 1.332 hộ đạt 93,5% (153/1.332 hộ đạt 11,5% từ CTCN tập trung)	Đạt	Đạt
		17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	5/5 cơ sở đạt 100%	Đạt	Đạt
		17.3	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	8m ² /người	Đạt	Đạt
		17.5	Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	85,22%	Đạt	Đạt
		17.7	Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt	Đạt
		17.8	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	1.286/1.332 hộ đạt 96,54%	Đạt	Đạt
		17.9	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$	221/281 hộ đạt 78,64%	Đạt	Đạt

		17.10	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Đạt	Đạt
		17.11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	1.088/1.332 hộ đạt 81,7%	Đạt	Đạt
		17.12	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥30%	113,52kg/132kg đạt 86%	Đạt	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2	Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.3	Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	5/5 đoàn thể đạt 100%	Đạt	
		18.4	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.5	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.6	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt	
		19.1	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

19	Quốc phòng và an ninh	19.2	Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiêu khích đong người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giám so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tổng số tiêu chí đạt 19/19							